

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 653/2025/HC-PT

Ngày 27 tháng 5 năm 2025

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 836/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 688/2025/QĐPT-HC ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH K1; Địa chỉ: Số A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Quỳnh N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Luật sư Nguyễn Sơn L – Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Luật sư Nguyễn Sơn D – Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt).

- *Người bị kiện:* Cục Thuế tỉnh B (nay là Chi cục thuế Khu vực X)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Diệu H – Chi cục trưởng Chi cục thuế Khu vực X (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Đặng Toàn T – Trưởng phòng quản lý hộ, hỗ trợ doanh nghiệp số 2 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Ông Nguyễn Minh K – Phó trưởng phòng Phòng Thuế cá nhân, hộ kinh doanh và thu khác (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hữu H1 – Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Lê Văn L1 - Luật sư thuộc Trung tâm Tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh B (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Bà Nguyễn Thị Ngọc N1 - Chuyên viên Phòng Quản lý quỹ đất thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc N1 - Chuyên viên Phòng Quản lý quỹ đất (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là Công ty TNHH K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, người khởi kiện Công ty TNHH K1 trình bày:

Công ty TNHH K1 là chủ đầu tư Khu D tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Quyết định cho thuê đất số 2931/QĐ/CT-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành ngày 22/10/2002, với diện tích đầu tư: 64.356,5m².

Ngày 19/10/2004, Ban Đền bù giải tỏa tỉnh Bình Thuận có Văn bản số 933/ĐBGT- KHTV về việc yêu cầu Công ty TNHH K1 nộp tiền bồi thường thiệt hại về đất vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.413.700.000 đồng để xây dựng Khu D tại xã T, thành phố P.

Ngày 11/11/2004, Cục Thuế tỉnh B có Thông báo số 202/TB-CTBT về việc yêu cầu Công ty K1 nộp tiền bồi thường thiệt hại về đất vào ngân sách Nhà nước.

Chấp hành văn bản của Ban Đền bù giải tỏa và thông báo của Cục Thuế tỉnh B, Công ty TNHH K1 đã nộp số tiền 2.165.480.000 đồng vào tài khoản 711.801 Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Thuận theo Chứng nhận nộp tiền ngày 02/12/2004.

Nhưng sau đó, Công ty TNHH K1 được biết đối với các dự án đầu tư xây dựng khu du lịch với hình thức thuê đất 50 năm thì không phải nộp tiền bồi thường thiệt hại về đất cho Nhà nước mà chỉ nộp tiền thuê đất hàng năm (Căn cứ theo Luật Đất đai năm 1993 và Điều 14 Nghị định 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ).

Sau khi đóng tiền bồi thường đất công vào Kho bạc Nhà nước, Công ty TNHH K1 đã liên tục nhiều lần gửi văn bản đến Cục thuế tỉnh B để yêu cầu hoàn trả số tiền 2.165.480.000 đồng đã thu không đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 1993 và Điều 14 Nghị định 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ cho Công ty.

Đến ngày 13/3/2020, Cục Thuế tỉnh B có Văn bản số 1555/CT-KK trả lời về việc không đồng ý hoàn trả số tiền 2.165.480.000 đồng mà Công ty TNHH K1 đã nộp từ năm 2004.

Vì vậy, tại đơn khởi kiện, Công ty TNHH K1 đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B;
2. Yêu cầu Cục Thuế tỉnh B hoàn trả số tiền 2.165.480.000 đồng và bồi thường thiệt hại tính từ ngày nộp tiền 02/12/2004 với mức lãi suất theo quy định tại Điều 47, Điều 48 Luật Quản lý thuế.

Người bị kiện Cục Thuế tỉnh B có ý kiến tại Văn bản số 971/CTBTH-HKDCN ngày 15/02/2023:

Ngày 03/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận có Thông báo thay đổi thụ lý vụ án số 132/TLST-HC, với người khởi kiện là Công ty TNHH K1; người bị kiện là Cục Thuế tỉnh B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh B, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận; nội dung khởi kiện là yêu cầu hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B, hoàn trả lại số tiền bồi thường về đất đã nộp là 2.165.480.000 đồng và bồi thường thiệt hại theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng N2 hiện hành dựa trên số tiền 2.165.480.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ ngày nộp tiền (02/12/2004) cho đến thời điểm nộp đơn tạm tính là 2.923.398.000 đồng.

Tiền bồi thường thiệt hại về đất mà Công ty TNHH K1 phải nộp do Ban Đền bù giải tỏa tỉnh (nay là Trung tâm P) xác định; Cục T thông báo cho Công ty

TNHH K1 nộp tiền vào ngân sách Nhà nước theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

Ngày 11/11/2004, Cục T có Thông báo số 202/TB-CTBT về việc nộp tiền bồi thường đất Nhà nước, đề nghị Công ty TNHH K1 nộp số tiền bồi thường thiệt hại về đất là 5.413.700.000 đồng vào ngân sách Nhà nước; cơ sở để thông báo:

- Thực hiện Công văn số 4088/UBBT-XDCB ngày 28/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc đẩy nhanh tình hình thu và nộp tiền bồi thường thiệt hại vào ngân sách đối với các dự án du lịch sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý;

- Theo Công văn số 933/ĐBGT-KHTV ngày 19/10/2004 của Ban Đền bù giải tỏa tỉnh về việc chuyển kinh phí chi phí trả tiền đền bù giải tỏa (đợt 1), đã xác định và đề nghị Công ty TNHH K1 chuyển kinh phí nộp tiền đền bù về đất cho Nhà nước 5.413.700.000 đồng.

Công ty TNHH K1 đã nộp số tiền 2.165.480.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

Về nộp tiền bồi thường đất công, tương tự như trường hợp của Công ty TNHH K1 có trường hợp của Công ty TNHH T3, theo báo cáo và đề xuất của Sở T4, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 3632/UBND-KGVXNV ngày 30/9/2021 trả lời cho Công ty TNHH T3.

Ngày 09/11/2020, Văn phòng Ủ có Công văn số 5196/VP-NCKSTTHC chuyển Thông báo thay đổi thụ lý vụ án số 132/TLST-HC ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đến Sở T5 biết, tiếp tục thực hiện theo khoản 1 Công văn số 2804/UBND-NCKSTTHC ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật; trường hợp vượt thẩm quyền có báo cáo, tham mưu đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh X, chỉ đạo giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại khoản 1 Công văn số 2804/UBND-NCKSTTHC ngày 31/7/2020 về việc cung cấp tài liệu, hồ sơ, chứng cứ, nêu ý kiến và cử người tham gia vụ án hành chính Công ty TNHH K1 khiếu kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có ý kiến chỉ đạo: Ủy quyền cho Sở T5 (phối hợp với các cơ quan liên quan) nghiên cứu vụ việc, có văn bản nêu ý kiến (trong đó lưu ý về thời hiệu khởi kiện...), cung cấp toàn bộ hồ sơ, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án theo quy định pháp luật.

Theo đó, Cục T đã có các Công văn số 9700/CTBTH-HKDCN ngày 26/11/2020, số 10209/CTBTH-HKDCN ngày 11/10/2021, số 11840/CTBTH-HKDCN ngày 24/11/2021 đề nghị Sở T5 thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh để cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B ủy quyền cho Sở T5 có ý kiến tại Công văn số 4878/STNMT-TTPTQĐ ngày 26/10/2020:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm 1 Công văn số 2804/UBND-NCKSTTHC ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cung cấp tài liệu, hồ sơ, chứng cứ, nêu ý kiến và cử người tham gia vụ án hành chính Công ty TNHH K1 (gọi tắt là Công ty) khiếu kiện. Nay, Sở T5 cung cấp thông tin, tài liệu và có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Công ty như sau:

Ngày 22/11/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 3306/QĐ/CT-UBBT về việc thu hồi và cho Công ty TNHH K1 thuê đất để xây dựng Khu D tại xã T, thành phố P.

Ngày 26/9/2003, Công ty TNHH K1 đã ký Hợp đồng thực hiện công tác bồi thường số 18/HĐ-ĐBGT với Ban Đề bù giải tỏa tỉnh (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh – gọi tắt là Trung tâm).

Trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, do số hộ dân và diện tích đất thu hồi của các hộ dân trong dự án không đúng so với thực tế, nên đến ngày 24/8/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 2189/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 3306/QĐ/CT-UBBT ngày 22/11/2002.

Dự án có 10 hộ dân/30.199m²/11 hồ sơ (do hộ ông Võ Tấn M có 02 hồ sơ) và 02 tổ chức (Ban Quản lý rừng phòng hộ thành phố P và Ủy ban nhân dân xã T). Trung tâm đã lập hồ sơ bồi thường của 06 hộ dân (Nguyễn Lập C, Nguyễn Ngọc A, Võ Tấn M, Võ Văn H2, Đặng Văn L2, Đỗ Thị C1) và 02 tổ chức, chuyển Sở Tài chính đề nghị thẩm định kinh phí tại Công văn số 855/ĐBGT-ĐĐKD ngày 07/10/2004. Tuy nhiên, hồ sơ của hộ bà C1 không được Sở Tài chính thẩm định do biên bản họp xét nguồn gốc đất ngày 19/12/2003 của Ủy ban nhân dân xã T xác nhận diện tích đất của hộ bà C1 là 2.031m², nhưng hồ sơ bà C1 được lập bồi thường với diện tích 1.931m².

Căn cứ 07 hồ sơ bồi thường của 05 hộ dân và 02 tổ chức đã được Sở Tài chính thẩm định với tổng số tiền 8.362.752.500 đồng, ngày 19/10/2004 Ban Đề bù giải tỏa tỉnh (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh) có Công văn số 933/ĐBGT gửi Công ty K1 đề nghị Công ty:

- Chuyển số tiền 2.949.052.500 đồng vào tài khoản của Ban Đề bù để chi trả cho dân.

- Tiền đền bù đất và cây dương cho Nhà nước 5.413.700.000 đồng vào tài khoản tạm thu ngân sách tại Kho bạc Nhà nước tỉnh B.

Ngày 02/12/2004, Công ty đã nộp 2.165.480.000 đồng/5.413.700.000 đồng vào tài khoản Kho bạc Nhà nước tỉnh B tiền đền bù đất và cây dương cho Nhà nước. Riêng số tiền bồi thường chi trả cho 05 hộ dân, Công ty không chuyển vào tài khoản Trung tâm mà phối hợp với Trung tâm chi trả trực tiếp tiền bồi thường cho 02 hộ dân (Nguyễn Lập C và Võ Văn H2) vào ngày 10/12/2004. Đối với 03 hộ dân còn lại (Nguyễn Ngọc A, Võ Tấn M và Đặng Văn L2), Công ty (ông Lê Khắc T1) đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận vào ngày 29/11/2001 - trước thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định 3306 QĐ/CT-UBBT thu hồi và cho Công ty thuê đất nên không thực hiện việc chi trả.

Đối với 05 hồ sơ thu hồi đất còn lại, đến thời điểm hiện nay Trung tâm chưa lập xong hồ sơ bồi thường nhưng thực tế Công ty đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định thu hồi và cho Công ty thuê đất 04 hồ sơ (Võ Tấn M, Lưu Đ, Lưu Đ1, Nguyễn Ngọc T2) và 01 hồ sơ vào năm 2019 (Đỗ Trường S). Đối với 01 hồ sơ còn lại (bà Đỗ Thị C1) với số tiền 195.713.000 đồng, tuy không được Sở Tài chính thẩm định nhưng vào ngày 21/01/2005 Chủ dự án đã nộp cho Trung tâm.

Qua rà soát hồ sơ bồi thường, ngày 20/4/2015, Trung tâm đã mời Công ty T6 hợp đồng nhưng Công ty không đồng ý thanh lý và đề nghị Trung tâm bàn giao phần diện tích đất của hộ bà Đỗ Thị C1 cho Công ty, do ngày 21/01/2005 Công ty đã nộp số tiền bồi thường đất của hộ bà C1 cho Trung tâm. Do hồ sơ của bà C1 đến nay chưa thực hiện xong công tác bồi thường, hộ chưa nhận tiền bồi thường, chưa bàn giao đất cho Trung tâm. Vì vậy, Trung tâm không thể giao phần diện tích đất thu hồi của hộ bà C1 cho Công ty được.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận có ý kiến tại Văn bản số 2037/PTQĐ-QLQĐ ngày 14/12/2020:

Tại Thông báo số 81/2020/TB-TLVA ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh về việc thụ lý vụ án “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, Tòa án nhân dân tỉnh không xác định Trung tâm là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm 1 Công văn số 2804/UBND-NCKSTTHC ngày 31/7/2020 về việc cung cấp tài liệu, hồ sơ, chứng cứ, nêu ý kiến và cử người tham gia vụ án hành chính Công ty TNHH K1 khiếu kiện, ngày 26/10/2020 Trung tâm đã tham mưu Sở T5 tại Công văn số 4878/STNMT-TTPTQĐ gửi Tòa

án nhân dân tỉnh có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K1 và kèm theo các hồ sơ có liên quan. Vì vậy, Trung tâm không cung cấp thông tin gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH K1, về việc yêu cầu hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B.

2. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K1, về việc yêu cầu Tòa án buộc: Cục Thuế tỉnh B hoàn trả lại số tiền 2.165.480.000 đồng (*Hai tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) Công ty TNHH K1 đã nộp và bồi thường thiệt hại 3.814.193.020 đồng (*Ba tỷ, tám trăm mười bốn triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, không trăm hai mươi đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/7/2024, người khởi kiện Công ty TNHH K1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Đối tượng khởi kiện ban đầu là Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B vì văn bản này gây thiệt hại cho người khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện xuất trình Văn bản số 3997/CTBTH-HKDCN ngày 27/6/2024 hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đối tượng khởi kiện không còn để bác yêu cầu khởi kiện mà không xem xét nội dung, không xem xét quyết định hành chính mới và quyết định hành chính bị kiện là không đúng hướng dẫn tại Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai” là không đúng mà phải là “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế và quản lý đất đai” vì Công ty khởi kiện thông báo thuế và yêu cầu bồi thường chứ không kiện

quyết định thu hồi đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh B; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận thống nhất không đồng ý kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục thuế tỉnh B đã bị Văn bản số 3997/CTBTH-HKDCN ngày 27/6/2024 hủy bỏ. Như vậy, số tiền thuế công ty K1 đã nộp chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết. Người bị kiện căn cứ Công văn số 933/ĐBCT-KHTV ngày 19/10/2004 của Ban đền bù giải tỏa tỉnh Bình Thuận để ban hành Thông báo số 202/CTBT ngày 11/11/2004 nên đây là quyết định có liên quan đến quyết định bị kiện. Cấp sơ thẩm chưa xem xét văn bản nêu trên là thiếu sót. Mặt khác, theo quy định tại Điều 38, 43 Luật đất đai năm 2003 thì công ty K1 thuộc trường hợp không phải nộp tiền bồi thường. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B;

- Yêu cầu Cục thuế tỉnh B hoàn trả số tiền 2.165.480.000 đồng và bồi thường thiệt hại tính từ ngày nộp tiền 02/12/2004 với mức lãi suất theo quy định tại Điều 47, Điều 48 Luật Quản lý thuế. Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện thay đổi yêu cầu bồi thường bồi thường thiệt hại theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm tính từ ngày nộp tiền 02/12/2004 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 28/6/2024 (19 năm 6 tháng 26 ngày), thành tiền là 3.814.193.020 đồng

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xuất trình Văn bản số 3997/CTBTH-HKDCN ngày 27/6/2024 của Cục Thuế tỉnh B về việc hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B, với lý do: Việc giải quyết, trả lời về hoàn trả tiền bồi thường đất công dự án Khu D của Công ty TNHH K1 không thuộc chức năng, thẩm quyền của Cục T.

[2.3] Xét thấy: Căn cứ công văn số 4088/UBBT_XDCB ngày 28/10/2004 của UBND tỉnh B “V/v đẩy nhanh tình hình thu và nộp tiền bồi thường thiệt hại vào ngân sách đối với các dự án dự lịch sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý”; Căn cứ công văn 933/ĐBCT-KHTV ngày 19/10/2004 của Ban đền bù giải tỏa tỉnh Bình Thuận gửi Công Ty TNHH K1 về việc chuyển kinh phí chi trả tiền đền bù giải tỏa (đợt 1), xác định số tiền đền bù về đất mà Công ty TNHH K1 phải nộp vào tài khoản Tạm thu ngân sách số 711.801 tại kho bạc Nhà nước tỉnh B là 5.413.700.000 đồng. Ngày 11/11/2004, Cục Thuế tỉnh B ban hành thông báo số 202/CTBT gửi Công ty TNHH K1 đề nghị nộp số tiền bồi thường thiệt hại về đất là 5.413.700.000 đồng vào Tài khoản 711.801 tại Kho bạc nhà nước tỉnh B. Công ty TNHH K1 đã nộp vào Tài khoản trên số tiền 2.165.480.000 đồng.

Theo Văn bản số 883/STC-QLNS ngày 19/3/2020 của Sở Tài chính tỉnh T4 thì số tiền 2.165.480.000 đồng Công ty TNHH K1 đã nộp vào tài khoản ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh Q và quyết định, chứ không phải được nộp vào tài khoản của Cục Thuế tỉnh B. Vì vậy, việc giải quyết đối với số tiền này thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh B, nên việc Cục Thuế ban hành Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 trả lời Công ty TNHH K1 là chưa phù hợp. Do đó, Cục Thuế tỉnh B ban hành Văn bản số 3997/CTBTH-HKDCN ngày 27/6/2024 hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B là đúng quy định.

Trong trường hợp này, Công ty TNHH K1 có quyền yêu cầu Ủy Ban nhân dân tỉnh B giải quyết đối với số tiền 2.165.480.000 đồng mà Công ty TNHH K1 đã nộp vào tài khoản ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

[2.4] Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Tổ tụng hành chính thì người khởi kiện có thể đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra. Do đó, trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B; Đồng thời buộc Cục Thuế tỉnh B hoàn trả số tiền 2.165.480.000 đồng và bồi thường thiệt hại 3.814.193.020 đồng, Tòa án thụ lý giải quyết trong cùng vụ án hành chính là đúng quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Tổ tụng hành chính.

Tuy nhiên, Cục Thuế tỉnh B không có thẩm quyền giải quyết đối với số tiền này, việc Cục Thuế tỉnh B ban hành Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 là không đúng thẩm quyền vì vậy, Cục Thuế tỉnh B đã ban hành Văn bản số 3997/CTBTH-HKDCN ngày 27/6/2024 hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 (tức đối tượng khởi kiện không còn), nên không có cơ sở để xem xét giải quyết vấn đề bồi thường. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của Công ty TNHH K1 là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH K1 phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH K1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 52 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH K1, về việc yêu cầu hủy Văn bản số 1555/CT-KK ngày 13/3/2020 của Cục Thuế tỉnh B.

2. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K1, về việc yêu cầu Tòa án buộc: Cục Thuế tỉnh B hoàn trả lại số tiền 2.165.480.000 đồng (*Hai tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) Công ty TNHH K1 đã nộp và bồi thường thiệt hại 3.814.193.020 đồng (*Ba tỷ, tám trăm mười bốn triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, không trăm hai mươi đồng*).

3. Về án phí:

3.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Buộc người khởi kiện Công ty TNHH K1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0007350 ngày 02/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận; Công ty TNHH K1 đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH K1 phải chịu 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000341 ngày 09/7/2024 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bình Thuận.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy